TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-ST.
Ngày: 28/12/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Tùng**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Phượng**

2. Ông **Ngô Văn Cơ**

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông **Tô Văn Đằng**– Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Huỳnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2020/TLST- DS, ngày 21 tháng 12 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 170/2021/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021QĐST – DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa số 10/2021/TB – TA ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần T**, sinh năm 1967. (tên thường gọi Lến). (có mặt)

Địa chỉ: Số 22 đường Hàm N, Khóm 1, Phường 1, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 145/79 đường Lê Hồng P, Khóm 4, Phường 3, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà **Mã Thị Mỹ C**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trương Tiến Đ**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 241 ấp Rạch S, xã Thạnh P, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần T trình bày: Ông Trần T có bán đậu xanh cho bà Mã Thị Mỹ C nhiều năm, thời gian đầu có mua, có trả tiền, đến ngày 22 tháng 9 năm 2020 khi đối chiếu công nợ thì bà Mã Thị Mỹ C còn nợ ông Trần T (L) số tiền 2.200.000.000 đồng. Ngày 22 tháng 9 năm 2020 bà C có làm biên nhận thừa nhận nợ ông Trần T số 2.200.000.000 đồng. Sau đó ông T có xuống đòi nhưng bà C cứ hẹn và không trả cho đến nay.

Nay ông Trần T yêu cầuTòa án giải quyết buộc bà Mã Thị Mỹ C hoàn trả cho ông số tiền 2.200.000.000 đồng

- Đối với bị đơn bà Mã Thị Mỹ C: Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Tiến Đ: Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm phát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Mã Thị Mỹ C trả số tiền nợ 2.200.000.000 đồng cho nguyên đơn ông. Ngoài ra đối với việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án đến lần thứ hai cho bị đơn bà Mã Thị Mỹ C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Tiến Đ không có ý kiến trả lời và vắng mặt. Vì vậy áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn bà Mã Thị Mỹ C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Tiến Đ theo quy định pháp luật. Đối với sự vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng H thì nguyên đơn ông Trần T (L) có văn bản gửi Tòa án yêu cầu hủy bỏ hợp đồng ủy quyền với ông Nguyễn Hoàng H nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Hoàng H.

[2] Về nội dung: Ông Trần T có bán đậu xanh cho bà Mã Thị Mỹ C nhiều năm, thời gian đầu có mua, có trả, đến ngày 22 tháng 9 năm 2020 khi đối chiếu sổ hóa đơn thì bà Mã Thị Mỹ C còn nợ ông Trần T số tiền 2.200.000.000 đồng. Ngày 22 tháng 9 năm 2020 bà C có làm biên nhận thừa nhận nợ ông Trần T số 2.200.000.000 đồng. Sau đó ông T có xuống đòi nhiều lần nhưng bà C cứ hẹn và không trả cho đến nay.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp cho Tòa án "Biên nhận nợ ngày 22/9/2020" bà Mã Thị Mỹ C có ký tên nội dung còn nợ ông Trần T (L) số tiền 2.200.000.000 đồng. Qua xem xét chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, HĐXX xác định việc nguyên đơn có bán đậu xanh cho bị đơn và bị đơn còn thiếu tiền nguyên đơn là có thật, bởi: Sau khi làm biên nhận đến nay bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền cho nguyên đơn và sau khi nhận thông báo thụ lý của Tòa án thì bà Mã Thị Mỹ C và ông Trương Tiến Đ đã biết sự việc ông Trần T kiện họ về việc mua bán đậu xanh chưa trả, còn thiếu 2.200.000.000 đồng nhưng bà C và ông Đ không có ý kiến phản đối việc nợ số tiền này. Từ đó, họ đã mặc nhiên thừa nhận còn thiếu ông Trần T số tiền 2.200.000.000 đồng theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là sự thật không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Mã Thị Mỹ C trả nợ chứ không có yêu cầu ông Trương Tiến Đ cùng liên đới với bà C trả nợ, do đó chỉ buộc bà Mã Thị Mỹ C trả tiền nợ mua bán cho nguyên đơn là phù hợp.

[4] Việc bị đơn bà Mã Thị Mỹ C không thực hiện việc thanh toán nợ đầy đủ cho nguyên đơn theo như thỏa thuận đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Mã Thị Mỹ C phải chịu 76.000.000 đồng. Ông Trần T không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền án phí theo quy định.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 430; Điều 440; Điều 569 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần T (L).

Buộc bị đơn bà Mã Thị Mỹ C phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Trần Thuận (Lến) số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỉ hai trăm triệu đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Mã Thị Mỹ C còn phải trả lãi cho ông Trần T theo mức lãi suất theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn bà Mã Thị Mỹ C phải chịu số tiền là 76.000.000đồng. Ông Trần T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 38.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007455 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn bà Mã Thị Mỹ C thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.ADS huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án.

Phạm Thanh Tùng